

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững, Tiểu dự án 1
Dự án 3 thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân
tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; đề xuất Chương trình giai đoạn
2026 - 2030 trên địa bàn thị trấn Ba Tơ**

Thực hiện Công văn số 465/UBND ngày 13/3/2025 của UBND huyện Ba Tơ về việc tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình, dự án giai đoạn 2021-2025; đề xuất Chương trình giai đoạn 2026-2030;

UBND thị trấn Ba Tơ báo cáo kết quả, như sau:

A. Đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2021 – 2025

I. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai cơ chế, chính sách

1. Chỉ đạo, triển khai công tác bảo vệ và phát triển rừng, cơ chế, chính sách

- Xác định công tác bảo vệ và phát triển rừng là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, UBND thị trấn luôn tập trung tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của các cấp, các ngành có liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng¹.

- Hàng năm, UBND thị trấn tổ chức sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện các chỉ tiêu lâm nghiệp đã đề ra nhằm đánh giá kết quả thực hiện, đề ra các nhiệm vụ, giải

¹ Luật Lâm nghiệp; Luật Phòng cháy, chữa cháy; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Kết luận số 61-KL/TW ngày 17/8/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Nghị Quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 08/3/2024 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 61-KL/TW ngày 17/8/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 04/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 04/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Công văn số 1788-CV/TU ngày 25/9/2023 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Kết luận số 61-KL/TW ngày 17/8/2023 của Ban Bí thư; văn bản của các bộ, ngành, tỉnh có liên quan đến công tác bảo vệ và phát triển rừng.

pháp đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng; đồng thời, ban hành nhiều văn bản để hướng dẫn, chỉ đạo các ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan và chủ rừng trên địa bàn tổ chức triển khai thực hiện công quản lý, bảo vệ và phát triển rừng và các cơ chế, chính sách hỗ trợ trong hoạt động lâm nghiệp² theo quy định của pháp luật.

2. Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững (Quyết định số 809)

UBND thị trấn chỉ đạo các ngành phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững đảm bảo phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật; báo cáo kết quả thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững cho cấp có thẩm quyền theo quy định.

Tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững thị trấn, giai đoạn 2021-2025 được thành lập (kiện toàn) tại Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 của Chủ tịch UBND thị trấn Ba Tơ; thực hiện Quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên của Ban Chỉ đạo; Kiện toàn, duy trì hoạt động của các tổ đội bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng tại các tổ dân phố trên địa bàn.

3. Tiểu dự án 1, Dự án 3 thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Quyết định số 1719)

Thị trấn Ba Tơ không thuộc phạm vi Tiểu dự án 1 - Dự án 3 Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 – 2025.

II. Kết quả thực hiện

1. Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững (Quyết định số 809)

1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch

1.1.1. Về bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng

a. Tổ chức lực lượng bảo vệ rừng

- Hằng năm, UBND thị trấn chỉ đạo các ngành liên quan rà soát nhân sự, kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững thị trấn Ba Tơ, giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 của Chủ tịch UBND thị trấn; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên của Ban Chỉ đạo.

- Kiện toàn, duy trì hoạt động của các tổ đội bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng tại các tổ dân phố có rừng trên địa bàn thị trấn.

b. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lâm nghiệp

- Chỉ đạo Kiểm lâm địa bàn phối hợp các ngành, hội đoàn thể và các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, thái độ, trách nhiệm trong nội bộ cán bộ,

² Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Quyết định 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 – 2025.

đảng viên cũng như cộng đồng dân cư, chủ rừng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Thông qua việc phổ biến, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Luật Lâm nghiệp đã tạo chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động của các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng; vai trò trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền cơ sở đã phát huy tích cực.

c. Công tác phòng cháy và chữa cháy rừng:

- Xác định phòng cháy, chữa cháy rừng là nhiệm vụ hết sức quan trọng của cả hệ thống chính trị tại địa phương. UBND thị trấn tổ chức thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của cấp trên liên quan đến công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; đồng thời, ban hành văn bản để chỉ đạo các địa phương, chủ rừng, cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật; thực hiện tốt phương châm 04 tại chỗ trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Hàng năm, xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Chỉ đạo Kiểm lâm địa bàn thường xuyên theo dõi thông tin cảnh báo sớm cháy rừng trên hệ thống thông tin cảnh báo của Cục Kiểm lâm để phát hiện, thông báo đến các tổ dân phố, chủ rừng kiểm tra, nhằm chủ động thực hiện các biện pháp ngăn ngừa hiệu quả ngay tại cơ sở; đồng thời chuẩn bị các phương tiện, thiết bị, dụng cụ chữa cháy rừng và bố trí lực lượng thường trực 24/24 giờ trong thời kỳ cao điểm nắng nóng, sẵn sàng chữa cháy khi có cháy rừng xảy ra.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các Phương án, kế hoạch phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn;

- Năm 2024, phối hợp với Hạt Kiểm lâm huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức diễn tập Phương án chữa cháy rừng cấp xã theo quy định.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ nội dung Quy chế tiếp nhận, xử lý thông tin cháy rừng các cấp; phối hợp huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Quyết định số 47/2021/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; chỉ đạo các ngành liên quan thực hiện nghiêm túc Phương án huy động lực lượng tham gia chữa cháy rừng trên địa bàn ban hành Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND huyện Ba Tơ. Giai đoạn 2021 – 2025: trên địa bàn xảy ra 01 vụ cháy rừng/2.541 m² rừng trồng bị thiệt; nguyên nhân là do người dân đốt thực bì sau khai thác rừng trồng gây cháy lan.

d. Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Chỉ đạo Kiểm địa bàn phối hợp với các ngành, các cơ quan, đơn vị liên quan thường xuyên tổ chức tuyên truyền về công tác bảo tồn thiên nhiên và bảo vệ đa dạng sinh học trên địa bàn thị trấn.

1.1.2. Phát triển rừng và nâng cao năng suất, chất lượng rừng

Thường xuyên chỉ đạo Kiểm lâm địa bàn phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn hướng dẫn các cơ sở kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn thị trấn thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

- *Đối với rừng trồng*: Khai thác rừng trồng (keo) với tổng diện tích 1.117,42 ha, sản lượng ước đạt 170.090,4 m³; trồng rừng 1.432,78 ha (*chủ yếu trồng lại rừng trên diện tích khai thác*).

- *Đối với rừng tự nhiên*: Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên.

- *Phát triển lâm sản ngoài gỗ*: Chủ yếu quản lý, bảo vệ và khai thác hợp lý các loài lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng tự nhiên là mây nước được người dân địa phương sử dụng tại chỗ, bán cho các cơ sở thu mua lâm sản trên địa bàn huyện để cung cấp cho thị trường tiêu dùng trong nước.

1.1.3. Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng đối với rừng sản xuất là rừng trồng

- Chỉ đạo Kiểm lâm địa bàn phối hợp các ngành tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân có rừng và đất lâm nghiệp liên kết hình thành nhóm hộ để xây dựng, thực hiện phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 và Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.1.4. Nhiệm vụ khác:

- Tổ chức quản lý chặt chẽ diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn theo đúng quy hoạch.

- Phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức thực hiện các Chương trình, Dự án có liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp trên địa bàn.

1.2. Tình hình huy động, phân bổ kinh phí

a. *Giai đoạn 2021 – 2024*: 33.604,50 triệu đồng, trong đó:

- NSTW hỗ trợ (*đầu tư, sự nghiệp*): 0 triệu đồng.

- Nguồn khác (*tổ chức, cá nhân tự đầu tư*): 33.604,50 triệu đồng

b. *Năm 2025*

- NSTW hỗ trợ (*đầu tư, sự nghiệp*): 222,87 triệu đồng (*đã đăng ký, nhưng chưa phân bổ*)..

- Nguồn khác (*DVMTR; tổ chức, cá nhân tự đầu tư*): 9.000 triệu đồng.

2. Tiểu dự án 1, Dự án 3: Không.

III. Đánh giá

1. Kết quả đạt được

Với sự triển khai thực hiện đồng bộ của hệ thống chính trị và nhân dân trên địa phương trong lĩnh vực lâm nghiệp đã đạt được nhiều kết quả tích cực; đóng góp vào tăng trưởng của ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn và phát triển kinh tế - xã hội; tạo sự thay đổi tích cực về nhận thức của các ngành, các cấp và toàn xã hội về vai trò, tầm quan trọng của tài nguyên rừng và ngành lâm nghiệp đối với sự phát triển của toàn huyện. Các chính sách, pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng được Nhà nước ban hành có hiệu quả thiết thực, tạo việc làm, thu nhập cho người dân làm nghề rừng; hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, đặc biệt là phát triển kinh tế dưới tán rừng gắn với bảo vệ rừng bền vững tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, góp phần duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

- Về kinh tế, giá trị sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn tăng trưởng ổn định; trồng rừng sản xuất phát triển cả về diện tích và chất lượng, cung cấp nguyên liệu gỗ cho ngành chế biến lâm sản phục vụ trong nước và xuất khẩu; góp phần nâng cao hiệu quả bảo vệ và phát triển rừng, tăng thu nhập người làm nghề rừng.

- Về an sinh xã hội, các hoạt động lâm nghiệp đã tạo việc làm cho đa số người dân địa phương; trong đó, chủ yếu là hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số.

- Về môi trường, tình trạng vi phạm pháp luật về lâm nghiệp giảm đáng kể cả số vụ và mức độ thiệt hại qua các năm; diện tích, cơ cấu và chất lượng rừng đáp ứng cơ bản yêu cầu phát triển ngành lâm nghiệp, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát huy hiệu quả chức năng phòng hộ đầu nguồn chống xói mòn đất đai và giảm nhẹ thiên tai; đóng góp tích cực vào bảo đảm an ninh nguồn nước, an ninh môi trường; góp phần quan trọng trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, tăng trưởng xanh và các mục tiêu phát triển bền vững.

2. Tồn tại, hạn chế

- Các hành vi vi phạm phá rừng, khai thác, mua, bán, vận chuyển lâm sản, săn bắt động vật rừng trái pháp luật, cháy rừng và lấn, chiếm, tranh chấp đất lâm nghiệp còn xảy ra trên địa bàn.

- Chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp đưa vào trồng rừng chưa được kiểm soát chặt chẽ, nhất là các cơ sở sản xuất giống tự phát với quy mô nhỏ, hộ gia đình làm ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng rừng trồng; việc trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn để nâng cao năng suất và chất lượng rừng trồng chưa được người dân thật sự quan tâm.

- Cán bộ, công chức, viên chức được các cơ quan, đơn vị giao theo dõi, tham mưu triển khai thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển rừng của các cơ quan, đơn vị chưa được tập huấn chuyên sâu nên quá trình triển khai thực hiện chính sách về lâm nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, lúng túng.

3. Nguyên nhân

- Cuộc sống của đa số nhân dân còn gặp nhiều khó khăn và nguồn thu nhập về kinh tế còn thấp, sản phẩm của rừng sẵn có, nhu cầu sử dụng đất lâm nghiệp, gỗ trong

xã hội ngày càng tăng; do đó, một bộ phận người dân đã lén lút xâm hại đến tài nguyên rừng.

- Tình trạng biến đổi khí hậu, thời tiết khắc nghiệt, nắng nóng khô hanh kéo dài, diện tích rừng trồng tập trung lớn, vật liệu cháy nhiều, ý thức của một bộ phận nhân dân còn hạn chế trong việc sử dụng lửa trong rừng, ven rừng, đốt ong, đốt dọn thực bì sau khai thác rừng trồng không đúng quy trình, quy định nên tiềm ẩn nguy cơ xảy ra cháy rừng. Khi có cháy rừng xảy ra việc huy động lực lượng tại chỗ gặp nhiều khó khăn, chỉ có những hộ dân có diện tích rừng lân cận và lực lượng chức năng mới tham gia chữa cháy rừng.

- Phần lớn diện tích rừng tự nhiên giao cho các hộ gia đình, cộng đồng dân cư bảo vệ có hiện trạng nghèo kiệt, trữ lượng và chất lượng rừng thấp, các đối tượng giao rừng không hưởng lợi được sản phẩm từ diện tích rừng đã được Nhà nước giao; bên cạnh đó, không phân bổ kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng cho các đối tượng được Nhà nước giao rừng, các đối tượng chưa được hưởng chính sách bảo vệ rừng theo quy định; do đó, không khuyến khích được các hộ gia đình, cộng đồng dân cư tích cực tham gia bảo vệ rừng.

- Một số vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp không bắt quả tang được đối tượng vi phạm, người dân ngại va chạm không tố giác đối tượng vi phạm nên việc xác minh đối tượng vi phạm để xử lý theo quy định pháp luật còn gặp nhiều khó khăn.

- Việc tuyên truyền, hướng dẫn các quy định về sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp còn hạn chế, phần lớn các cơ sở chưa chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước trong sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp. Việc quản lý, kiểm tra, giám sát chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp đem vào trồng rừng chưa được chặt chẽ. Sản xuất lâm nghiệp có chu kỳ kinh doanh dài, rủi ro lớn.

4. Bài học kinh nghiệm

- Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Luật Lâm nghiệp, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp và các văn bản của các bộ ngành, tỉnh liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp; thể chế hóa các văn bản chỉ đạo triển khai công tác bảo vệ và phát triển rừng tại địa phương để phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật.

- Phải tạo được sự đồng thuận và nhất trí cao của cả hệ thống chính trị; tổ chức phối hợp đồng bộ giữa các lực lượng: Kiểm lâm, Dân quân tự vệ, Công an, chính quyền địa phương và chủ rừng trong công tác bảo vệ và phát triển rừng.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật phải được tổ chức thường xuyên và liên tục, đa dạng, phong phú về hình thức; nội dung tuyên truyền cần phải chọn lọc, dễ gần, dễ hiểu và phù hợp với từng nhóm đối tượng; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, nâng cao ý thức trách nhiệm của toàn dân đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng.

- Công tác xử lý vi phạm pháp luật về lâm nghiệp phải kịp thời, đúng quy định của pháp luật nhằm nâng cao tính răn đe, giáo dục trong nhân dân, góp phần hạn chế các hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng.

5. Những vấn đề đặt ra cần giải quyết

- Quản lý, bảo vệ bền vững diện tích rừng hiện có trên địa bàn, nhất là rừng tự nhiên; hạn chế đến mức thấp nhất các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp.

- Phải đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện các hoạt động lâm nghiệp, nhất là chính sách đầu tư trong lâm nghiệp.

- Nâng cao nhận thức và hành động của các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng; phải phát huy vai trò trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền cơ sở đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng.

- Nâng cao tỷ lệ kiểm soát nguồn giống cây trồng lâm nghiệp, vận động nhân dân sử dụng các nguồn giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng để đem vào trồng rừng góp phần nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng, hạn chế phát sinh tình trạng sâu bệnh đối với cây trồng.

B. Đề xuất chương trình giai đoạn 2026-2030

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

- Quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng hiện có nhằm phát huy chức năng phòng hộ ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học và cung cấp các dịch vụ môi trường, góp phần phát triển kinh tế, xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

- Đảm bảo có sự tham gia rộng rãi của các thành phần kinh tế, tổ chức xã hội, trong đó quan tâm đến lợi ích chính đáng của người dân sống gần rừng vào các hoạt động lâm nghiệp nhằm đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống cho người dân nông thôn miền núi và góp phần giữ vững an ninh quốc phòng trên địa bàn.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về môi trường sinh thái

Duy trì ổn định độ che phủ rừng, nâng cao năng suất và chất lượng rừng; bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có (*bao gồm cả diện tích rừng trồng chưa thành rừng*), nhất là rừng tự nhiên. Quản lý rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, chống suy thoái đất, giảm thiểu tác động tiêu cực của thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

2.2. Về kinh tế

Tăng trưởng giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp trên địa bàn gắn với phát triển lâm nghiệp bền vững; nâng cao nhận thức, hành động của người dân trong công tác

bảo vệ, phát triển rừng, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, cải thiện sinh kế cho người dân, nhất là người dân tộc thiểu số.

2.3. Về xã hội và an ninh quốc phòng

Xã hội hóa nghề rừng, thu hút lao động tham gia trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng, chế biến lâm sản, góp phần tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo; nâng cao dân trí và đời sống nhân dân, giảm thiểu các tệ nạn xã hội góp phần giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

II. NHIỆM VỤ

1. Quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng

- Quản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng hiện có, nhất là rừng tự nhiên; phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên để bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng và cung cấp các dịch vụ môi trường rừng; chú trọng công tác bảo vệ rừng, phát triển dịch vụ môi trường rừng và các mô hình phát triển lâm sản ngoài gỗ, nông lâm kết hợp.

- Phối hợp hướng dẫn chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư trên địa bàn xây dựng và triển khai thực hiện phương án, kế hoạch bảo vệ rừng và PCCCR đối với lâm phần được Nhà nước giao.

- Thường xuyên theo dõi thông tin cảnh báo sớm cháy rừng trên hệ thống thông tin cảnh báo của Cục Kiểm lâm để phát hiện, thông báo đến địa phương, chủ rừng để kiểm tra, nhằm chủ động thực hiện các biện pháp ngăn ngừa hiệu quả ngay tại cơ sở; đồng thời chuẩn bị các phương tiện, thiết bị, dụng cụ chữa cháy rừng và bố trí lực lượng thường trực 24/24 giờ trong thời kỳ cao điểm nắng nóng, sẵn sàng ứng cứu khi có cháy rừng xảy ra trên địa bàn theo phương châm 4 tại chỗ.

- Tăng cường năng lực thực thi pháp luật, giám căn bản tình trạng vi phạm pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp về diện tích rừng bị thiệt hại và số vụ vi phạm.

2. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái rừng

Tăng cường công tác quản lý các loài động, thực vật hoang dã, nhất là các loài nguy cấp, quý, hiếm thuộc phụ lục CITES; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ hoạt động nuôi, trồng, buôn bán, phóng sinh các loài ngoại lai xâm hại ra môi trường tự nhiên; ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ các loài động vật, thực vật hoang dã, chim di cư theo quy định góp phần nâng cao giá trị bảo tồn đa dạng sinh học và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện; thực hiện các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh có nguồn gốc từ động vật hoang dã, chim di cư.

3. Phát triển rừng và quản lý rừng bền vững

- Phát triển vùng rừng trồng cung cấp nguyên liệu tập trung, ưu tiên trồng rừng gỗ lớn; ưu tiên phát triển giống được sản xuất từ cây mô, hom để trồng rừng sản xuất; quản lý chặt chẽ chất lượng giống cây lâm nghiệp đem vào trồng rừng.

- Tăng cường công tác quản lý giống cây trồng lâm nghiệp, nâng cao tỷ lệ kiểm

soát nguồn giống cây trồng lâm nghiệp, vận động nhân dân sử dụng các nguồn giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng để đem vào trồng rừng góp phần nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng, hạn chế phát sinh tình trạng sâu bệnh đối với cây trồng.

4. Phát triển, khai thác giá trị đa dụng hệ sinh thái rừng

- Phát triển dịch vụ môi trường rừng, đa dạng hóa và mở rộng nguồn thu từ các loại dịch vụ môi trường rừng phù hợp với quy định của pháp luật, đặc biệt là dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh; nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng để đầu tư cho bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên rừng; đảm bảo chia sẻ công bằng lợi ích với cộng đồng người dân địa phương.

- Phát triển các mô hình trồng lâm sản ngoài gỗ và dược liệu dưới tán rừng, góp phần nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống của người trực tiếp tham gia quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

5. Phát triển cơ sở hạ tầng lâm nghiệp

Đầu tư xây dựng, tu sửa các công trình phục vụ công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng, các bảng trực quan tuyên truyền bảo vệ rừng, biển báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng, ...

6. Tăng cường năng lực và ứng dụng chuyển đổi số ngành lâm nghiệp

Tăng cường năng lực quản lý Nhà nước trong lĩnh vực Lâm nghiệp; cử cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn chuyên môn, tham quan, học hỏi các mô hình phát triển Lâm nghiệp bền vững nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành lâm nghiệp.

7. Quản lý, theo dõi, giám sát ngành lâm nghiệp.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác theo dõi, giám sát diễn biến tài nguyên rừng và đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng; nâng cao năng lực vận hành và sử dụng các phần mềm, trang thiết bị chuyên dụng, hệ thống thông tin chuyên ngành trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

IV. Nhu cầu vốn

1. Tổng dự toán cầu vốn thực hiện Chương trình: 47.614,35 triệu đồng.

- NSTW hỗ trợ (*đầu tư, sự nghiệp*): 1.114,35 triệu đồng.

- Nguồn khác (*DVMTR; tổ chức, cá nhân tự đầu tư*): 46.500.000 triệu đồng.

2. Cơ chế huy động vốn

- Huy động và gắn kết các nguồn lực, lồng ghép các kế hoạch, chương trình, dự án; lồng ghép phát triển lâm nghiệp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương trình, dự án khác trên địa bàn để nâng cao hiệu quả tổng hợp về kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, quốc phòng.

- Tranh thủ các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cấp thông qua các dự án phát triển lâm nghiệp trên địa bàn; vốn tín dụng, từ các tổ chức và cá nhân đầu tư phát triển sản xuất.

IV. Giải pháp thực hiện

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách: Tiếp tục rà soát, góp ý hoàn thiện cơ chế chính sách trong lâm nghiệp theo quy định pháp luật.

2. Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật: Tổ chức truyền vận động đông nhân dân tham gia bảo vệ phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng bằng nhiều hình thức: Tuyên truyền trong hội họp, trực tiếp đến cộng đồng thôn, phát thanh địa phương, panô, áp phích, tờ rơi, cam kết, tuyên truyền lưu động...

V. Hệ thống biểu kèm theo

1. Biểu số 01. Hiện trạng rừng năm 2024 theo khu vực quản lý.

2. Biểu số 02. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ chính ngành lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025.

3. Biểu số 03. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình 809 và tiểu Dự án 1, Dự án 3.

4. Biểu số 04. Tổng hợp kết quả huy động, sử dụng các nguồn vốn thực hiện kế hoạch giai đoạn 2021-2025.

5. Biểu số 05. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN giai đoạn 2021-2025 (các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển).

6. Biểu số 06. Chỉ tiêu, nhiệm vụ thực hiện phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2026-2030.

UBND thị trấn Ba Tơ kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng NN&MT;
- Hạt Kiểm lâm huyện;
- TT Đảng uỷ thị trấn;
- TT HĐND thị trấn;
- CT, các PCT UBND thị trấn;
- Công chức: ĐC – XD- ĐT&MT, VP-TK thị trấn;
- Kiểm lâm địa bàn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quang Thanh